

Kim Động, ngày 20 tháng 6 năm 2025

Số: 42/2025/QĐST-HNGĐ.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG – TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 56/2025/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi dưỡng con chung, giữa:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Đức T1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đỗ Thị T2, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Phạm Bảo Q, sinh ngày 31/10/2013; Phạm Bảo H, sinh ngày 04/3/2019 và cháu Phạm Khánh Đ, sinh ngày 18/6/2021. Hiện nay hai cháu Q và cháu H đang ở cùng với bố (anh T1), còn cháu Đ đang ở cùng với mẹ (chị T2).

Người đại diện theo pháp luật cho các cháu Q, H và Đ: anh Phạm Đức T1 và chị Đỗ Thị T2 (là bố, mẹ đẻ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: anh T1 và chị T2 là hai người khác địa phương, chúng tôi kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên ngày 26/01/2013 là đúng.

Sau khi anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, chị T2 về gia đình anh T2 sinh sống làm ăn. Vì lý do công việc nên vợ chồng anh chị mỗi người làm việc một nơi và ở một nơi, vợ chồng chỉ gặp nhau hai đến ba lần một tuần. Quá trình vợ chồng chung sống

cũng có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế gia đình, vợ chồng đã có 03 con chung, cho đến tháng 7/2024 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị có nhiều thay đổi, vợ chồng không có tiếng nói chung nên xảy ra những bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không còn chia sẻ được với nhau, tình cảm vợ chồng cũng từ đó lạnh nhạt, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 7/2024 anh chị đã sống ly thân nhau, trong thời gian vợ chồng sống ly thân được hai bên gia đình động viên, nghĩ đến con chung, nên tháng 10/2024 anh chị lại về chung sống với nhau, nhưng khi về chung sống, anh chị đã không tháo gỡ được mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra, nên từ tháng 3/2025 anh chị lại tiếp tục sống ly thân nhau cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Đến nay cả anh T1 và chị T2 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nên anh chị đã thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T1, chị T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/6/2025 giữa anh T1, chị T2 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần được công nhận là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2].Về con chung: anh T1, chị T2 có 03 con chung là cháu Phạm Bảo Q, sinh ngày 31/10/2013; Phạm Bảo H, sinh ngày 04/3/2019 và cháu Phạm Khánh Đ, sinh ngày 18/6/2021. Hiện nay cháu Q và cháu H đang ở cùng với anh T1, còn cháu Đ đang ở cùng với chị T2. Chị T2 và anh T1 thỏa thuận, giao anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q và cháu H, giao chị T2 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị T2 và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Xét thấy, anh T1, chị T2 có đủ điều kiện nuôi con theo quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, sự thỏa thuận của anh chị không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh T1, chị T2.

[3].Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: anh T1, chị T2 tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4].Về lệ phí: anh T1, chị T2 thỏa thuận, chị T2 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn anh Phạm Đức T1 và chị Đỗ Thị T2.

1.2. Về con chung: anh T1 và chị T2 có 03 con chung là cháu Phạm Bảo Q, sinh ngày 31/10/2013; Phạm Bảo H, sinh ngày 04/3/2019 và cháu Phạm Khánh Đ, sinh ngày 18/6/2021. Hiện nay cháu Q và cháu H đang ở cùng với anh T1, còn cháu Đ đang ở cùng với chị T2. Anh T1 và chị T2 thỏa thuận, giao anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q và cháu H, giao chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh T và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: anh T1, chị T2 đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: chị T2 tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T2 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001800 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị T2 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hiệp Cường (số 07/2013 ngày 26/01/2013)
- Sở tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Oanh